

Bản án số: 48/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 10 - 9 - 2020.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản chung của vợ chồng ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU – NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đóa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Thông

Ông Phạm Văn Tình

- Thư ký phiên Tòa: Bà Vũ Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu - Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Ông Hồ Kim Trình - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 195/2020/TLST - HNGĐ ngày 01/7/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Xuân S, sinh năm 1977, Có mặt.
Địa chỉ: Xóm 15 (nay là xóm 11), xã QL, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Chị Chu Thị B, sinh năm 1979. Có mặt.
Địa chỉ: Xóm 15 (nay là xóm 11), xã QL, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*
Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1950. Có mặt.

Bà Lê Thị L, sinh năm 1952. Có mặt.
Địa chỉ: Xóm 15 (nay là xóm 11), xã QL, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Xuân S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Chu Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 16/11/1998 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã QL, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Sau khi cưới tình cảm vợ chồng bình thường, đến tháng 7 năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn sau đó đến tháng 2 năm 2020 mâu thuẫn vợ chồng càng tăng trầm trọng. Nguyên nhân do chị B nghi ngờ anh có quan hệ với người khác, từ đó đối xử lạnh nhạt với anh và gây sự trong nhà rồi bỏ về bên ngoại ở từ tháng 6 năm 2020. Đến nay

vợ chồng vẫn không hỏi han quan tâm gì nhau. Sau khi vợ chồng sống ly thân anh đã nhiều lần khuyên bảo chị B quay về để đoàn tụ vợ chồng nuôi dạy con cái nhưng chị B không nhất trí. Nay xác định không còn tình cảm gì với chị B nữa nên anh S yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Chu Thị B.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 23/9/1999 hiện nay đã lập gia đình; Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 21/3/2001 đang học Đại học và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 03/6/2012. Nay hai con Hồng M và Hồng T đã trưởng thành nên ở với ai là quyền của con. Ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Thành Đ. Anh S không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi chị B có đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng thì anh S có ý kiến: Vợ chồng có các tài sản chung gồm 02 ngôi nhà cấp 4 xây trên đất của bố mẹ anh S, mái tôn, công trình phụ, bể cạn ; các đồ dùng sinh hoạt là 01 bộ bàn ghế bằng gỗ; 01 bộ dong; 01 xe máy nhãn hiệu Hon da WAVE , biển kiểm soát 37L2 11408; 01 xe máy Wave tàu biển kiểm soát 37L8 1315; 01 xe máy điện. Anh S nhất trí chia tài sản chung này của vợ chồng.

Đối với diện tích đất 859 m² tại thửa 824 tờ bản đồ số 4, xóm 15 (nay là xóm 11), xã QL, huyện QL, tỉnh Nghệ An là của bố mẹ anh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Xuân D, nên anh Sơn không đồng ý đưa tài sản này vào tài sản chung của vợ chồng và cũng không yêu cầu Tòa án buộc bố mẹ anh trích tiền công tôn tạo, bảo quản đất cho anh.

Ngoài ra anh S còn thừa nhận tài sản chung của vợ chồng còn có 02 con trâu, nhưng anh đã bán được 53.000.000 đồng (năm mươi ba triệu đồng). Số tiền này anh S đã dùng vào việc: trả nợ cho ông ngoại Chu Văn Th 7.000.000đ, trả nợ cho ông nội Nguyễn Xuân D 6.000.000 đồng. Trả tiền xe máy mua cho con 7.850.000 đồng.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai và không có ai nợ vợ chồng.

Đối với tài sản gắn liền với đất, ý kiến anh S là chia đôi bằng hiện vật, vì hiện tại anh không có tiền để bù tiền chênh lệch tài sản cho chị B.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Chu Thị B trình bày:

Chị và anh Nguyễn Xuân S kết hôn với nhau ngày 16 tháng 11 năm 1998, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã QL. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S có quan hệ bất chính với người khác, còn về đánh đập hành hạ chị, đuổi chị đi khỏi nhà. Chị đã cố gắng chịu đựng để nuôi dạy con nhưng anh S vẫn không khắc phục được, mà còn đối xử với chị thậm tệ hơn, xúc phạm chị nhiều hơn. Nay chị Bình xác định không thể chung sống với anh S được nữa, anh S đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì chị nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 23/9/1999 hiện nay đã lập gia đình; Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 21/3/2001 đang học Đại học và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 03/6/2012. Nay hai con Hồng M và Hồng T đã trưởng thành nên ở với ai là quyền của con. Ly hôn, chị B xin được trực

tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Thành Đ. Chị B không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ngày 08 tháng 7 năm 2020, chị B có đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm:

- Diện tích đất của bố mẹ anh S (ông Nguyễn Xuân D và bà Lê Thị L) đã cho vợ chồng chị bằng miệng, là diện tích đất 859 m² tại thửa 824 tờ bản đồ số 4, xóm 15 (nay là xóm 11), xã QL, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Xuân D.

- Tài sản trên đất: 02 ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên đất; các công trình trên đất gồm: nhà chăn nuôi, mái tôn, công trình phụ, bể cạn, sân, tường bao.

- Các đồ dụng sinh hoạt là 01 bộ bàn ghế bằng gỗ; 01 bộ dong; 01 xe máy nhãn hiệu Hon da WAVE , biển kiểm soát 37L2 11408; 01 xe máy Wave tàu biển kiểm soát 37L8 1315; 01 xe máy điện.

- 02 con trâu. Chị B khai anh S đã bán trong khi chị B đi làm, không thông báo gì với chị. Nhưng nay chị thống nhất số tiền anh S bán 02 con trâu là 53.000.000 (năm mươi ba triệu) đồng. Và thống nhất số tiền bán trâu anh S dùng vào việc trả nợ cho ông Chu Xuân Th 7.000.000đ, ông Nguyễn Xuân D 6.000.000đ và mua xe cho con 7.850.000 đồng. Còn các khoản khác anh S dùng số tiền này làm gì thì chị B không thống nhất.

Nay chị B yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm: đất, nhà cửa, các công trình phụ trên đất, các đồ dùng sinh hoạt và tiền bán trâu, để đảm bảo cuộc sống và chỗ ở cho chị B sau khi ly hôn và có nơi ở để nuôi con.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Đối với tài sản trên đất thì chị B có nguyện vọng để toàn bộ tài sản lại cho anh S, ông D, bà L được quyền sử dụng, nhưng anh S, ông D, bà L phải bù tiền chênh lệch cho chị. Ngoài ra nếu ông D, bà L không đồng ý cho chị đất thì chị B cũng không yêu cầu ông D, bà L trả tiền công sức tôn tạo, bảo quản đất cho chị.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân D, bà Lê Thị L cùng thống nhất trình bày:

Ông D và bà L là bố mẹ đẻ của anh S. Sau khi kết hôn anh S chị B sống chung với bố mẹ và cùng ở trên thửa đất mà hiện nay chị B anh S đang ở. Đến năm 2004 thì ông D bà L sang ở tại diện tích đất của ông bà cố, còn vợ chồng anh S chị B vẫn ở trên đất đó cho đến nay. Khi ông bà ở đất khác thì anh S chị B vẫn ở trên đất và đã có nhà của ông bà đã xây. Đến năm 2008, anh S chị B đã phá nhà cũ của ông bà và làm lại. Khi chị B anh S xây nhà thì vợ chồng ông bà không có ý kiến gì, có đóng góp tiền và công sức cho anh chị xây nhà khi đó khoảng 20.000.000đ và cho anh S chị B dùng số vật liệu nhà cũ của ông bà để xây nhà mới.

Đối với diện tích đất hiện nay anh S chị B đang ở, ông bà vẫn chưa cho ai. Ngày trước anh S chị B còn khó khăn thì cho anh chị mượn đất ở nhờ (vì khi ở riêng vẫn ở nhà của bố mẹ xây), sau đó anh chị có điều kiện thì xây lại, còn thực tế chưa tuyên bố cho ai.

Nay chị B có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là diện tích đất 859 m²

(trong đó 200 m² đất ở và 659 m² đất vườn) tại thửa đất số 824 tờ bản đồ số 4, Xóm 15 (nay là xóm 11) xã QL, huyện QL, tỉnh Nghệ An thì ông bà không nhất trí. Đối với tài sản trên đất là của anh S chị B xây dựng trên đất của ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật đảm bảo được quyền lợi cho anh S, chị B và cho vợ chồng ông bà. Tại phiên tòa ông D bà L đề nghị anh S chị B phải tháo dỡ các tài sản trên để trả đất cho ông bà.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Xuân S được ly hôn với chị Chu Thị B.
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 03/6/2012 cho anh Nguyễn Xuân S trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị B vì anh S không yêu cầu.

Chị B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của chị B.

Buộc anh Nguyễn Xuân S và chị Chu Thị B phải trả lại diện tích đất 859 m² (trong đó 200 m² đất ở và 659 m² đất vườn) thuộc thửa số 824 tờ bản đồ số 4 (diện tích đo thực tế là 985,3 m²) nay là thửa số 26 tờ bản đồ số 33, tại xóm 15 (nay là xóm 11), xã QL, huyện QL, tỉnh Nghệ An cho ông Nguyễn Xuân D và bà Lê Thị L sử dụng.

Giao cho ông Nguyễn Xuân D và bà Lê Thị L được quyền sử dụng, sở hữu đối với các tài sản: Nhà vệ tầng đa diện tích 75 m² (nhà lớn); nhà vệ tầng đa diện tích 48 m² (nhà ngang) ; nhà vệ sinh; nhà chăn nuôi; mái tôn phần sân diện tích 50 m²; mái tôn phần khu vực vệ sinh diện tích 21,32 m² ; tường bao xây đá và xây sò (do anh S chị B xây thêm); sân bê tông và ngõ bê tông; bể cạn; cổng sắt, của anh S chị B xây dựng trên đất của ông Nguyễn Xuân D và bà Lê Thị L tại diện tích đất 985,3², thuộc thửa số 26 tờ bản đồ số 33, địa chỉ xóm 15 (nay là xóm 11), xã QL, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Tổng giá trị tài sản là 364.890.000đ (Ba trăm sáu mươi tư triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng).

Buộc ông D, bà L trả cho anh S, chị B tổng giá trị tài sản của anh S, chị B xây dựng trên đất của ông D, bà L là 364.890.000đ (Ba trăm sáu mươi tư triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng) và chia cho đôi số tiền này cho anh S một nửa, chị B một nửa.

Buộc anh Nguyễn Xuân S giao lại số tiền bán trâu cho chị Chu Thị B còn lại là 16.075.000đ (Mười sáu triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Giao cho anh S được quyền sở hữu 01 bộ dong bằng gỗ trị giá 20.000.000 đồng; giao cho chị B được quyền sở hữu 01 bộ bàn ghế bằng gỗ trị giá 20.000.000 đồng. Các tài sản là xe máy, xe đạp điện anh S và chị B đã thỏa thuận được với nhau nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân D và bà Lê Thị là người cao tuổi và là người có công với cách mạng, và có đơn xin miễn tiền án phí nên không phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Xuân Sơn yêu cầu ly hôn, giải quyết về nuôi con với chị Chu Thị Bình, chị Chu Thị Bình có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Chu Thị Bình, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân Dục và bà Lê Thị Lộc đăng ký hộ khẩu tại xóm 15 (nay là xóm 11), xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; căn cứ điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Sơn và chị Bình là hợp pháp vì tuân thủ các thủ tục, điều kiện kết hôn do luật định. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh Sơn là do chị Bình nghi ngờ ghen tuông anh, không quan tâm đến chồng, còn theo chị Bình là do anh Sơn có quan hệ với người khác rồi đánh đập, xua đuổi chị. Tuy hai bên trình bày khác nhau về nguyên nhân mâu thuẫn, nhưng thể hiện cuộc sống hôn nhân vợ chồng trầm trọng, căng thẳng. Hai bên đã sống ly thân và không liên lạc, quan tâm đến nhau, nên việc đoàn tụ là rất khó khăn.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh Sơn và chị Bình tại Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Lâm nhưng không được cung cấp thông tin gì; anh Sơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Bình thì ý kiến của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Qua phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và nhiều lần làm việc tại Tòa án, anh Sơn chị Bình không có thiện chí quay trở lại với nhau, và thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn. Vì vậy nên xử cho anh Nguyễn Xuân Sơn được ly hôn với chị Chu Thị Bình là phù hợp với quy định pháp luật và ý kiến của các bên.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Xuân Sơn và chị Chu Thị Bình có 03 con chung là Nguyễn Thị Hồng Minh, sinh ngày 23/9/1999 hiện nay đã lập gia đình; Nguyễn Thị Hồng Tâm, sinh ngày 21/3/2001 đang học Đại học và Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 03/6/2012. Đối với cháu Tâm và cháu Minh đã đủ tuổi trưởng thành, anh Sơn chị Bình đều thống nhất ở với ai là quyền của các cháu, nên HĐXX không xem xét giải quyết. Ly hôn, anh Sơn và chị Bình đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đạt. Xét thấy hiện tại cháu Đạt đang ở với anh Sơn, khỏe mạnh phát triển bình thường, nguyện vọng của cháu Đạt xin được ở với bố, nên cần tiếp tục giao cháu Đạt cho anh Sơn trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật, với thực tế và nguyện vọng của các bên.

Anh Sơn không yêu cầu chị Bình cấp dưỡng nuôi con chung nên miễn xét.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung:

[3.1] Về hiện trạng và giá trị tài sản: Qua xem xét thẩm định và định giá tài sản, các tài sản chung của anh Sơn chị Bình thống nhất gồm: 01 nhà vệ tầng đa diện tích 75 m² (nhà lớn) trị giá 200.000.000 đồng; 01 nhà vệ tầng đa diện tích 48 m² (nhà ngang) trị giá 105.000.000 đồng. Nhà vệ sinh trị giá 14.300.000 đồng; nhà chăn nuôi trị giá 1.500.000 đồng; mái tôn phần sân diện tích 50 m² trị giá 15.000.000 đồng; mái tôn phần khu vực vệ sinh diện tích 21,32 m² trị giá 6.000.000 đồng; tường bao xây đá 14,1 m x 40 cm = 5,64 m² trị giá 1.200.000 đồng; tường bao xây sò 13,5m x 45cm = 6,97 m² trị giá 690.000 đồng; sân bê tông và ngõ bê tông trị giá 6.000.000 đồng; bể cạn trị giá 15.000.000 đồng; cổng sắt trị giá 200.000 đồng; 01 bộ bàn ghế bằng gỗ trị giá 20.000.000 đồng; 01 bộ dong bằng gỗ trị giá 20.000.000 đồng.

Đối với tài sản là quyền sử dụng đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 796920 được UBND huyện Quỳnh Lưu cấp ngày 01 tháng 11 năm 1996 cho ông Nguyễn Xuân Dục diện tích 859 m² (trong đó 200 m² đất ở và 659 m² đất vườn) thửa số 824 tờ bản đồ số 4. Tại bản đồ đo số và diện tích thực tế sau khi xem xét thẩm định là 985,3 m² tại thửa số 26 tờ bản đồ số 33, tại xóm 15 (nay là xóm 11), xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, có tứ cận cụ thể:

- Phía Bắc giáp nương dài 16,9 m
- Phía Nam giáp đường liên thôn dài 17,35 m
- Phía Đông giáp đất ông Hồ Đình Chung dài 13m + 7,41m + 19,32m + 3,46m + 13,32m
- Phía Tây giáp đất Hồ Đình Hoàng dài 16,5m + 9,66m + 0,71m + 11,26m + 8,98m + 13,41m.

Diện tích đất được hội đồng định giá là: Đất ở 800.000đồng/ m² và đất vườn 400.000 đồng/m². Tổng giá trị thửa đất 474.120.000 đồng.

Theo kết quả xác minh, tại Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Lưu cho biết có sự khác nhau thay đổi về diện tích đất giữa các bản đồ là do sai số đo đạc, nhưng diện tích đất trên có ranh giới sử dụng ổn định, không có tranh chấp với các hộ liền kề, diện tích đất thay đổi không ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của các hộ dân.

Chị Bình cho rằng ông Dục bà Lộc đã cho vợ chồng chị bằng miệng, nhưng qua điều tra xác minh, diện tích đất này có nguồn gốc của ông Dục bà Lộc, hiện chưa tặng cho hay chuyển nhượng cho ai. Tất cả hồ sơ liên quan đến thửa đất đều mang tên ông Nguyễn Xuân Dục, do đó không có cơ sở chấp nhận đưa diện tích trên vào tài sản chung của vợ chồng.

[3.2] Về phân chia tài sản: Căn cứ vào hồ sơ vụ án cho thấy khi xây dựng các tài sản chung của vợ chồng các con của anh Sơn, chị Bình còn nhỏ, phải sống phụ thuộc vào bố mẹ, không có tài sản chung đóng góp xây dựng vào khối tài sản này, nên không liên quan đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, anh Sơn chị Bình đều thống nhất đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng. Do đó cần chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh Sơn chị Bình đã thống nhất được.

Đối với tài sản là 01 xe máy nhãn hiệu Hon đa WAVE, biển kiểm soát 37L2 11408; 01 xe máy Wave tàu biển kiểm soát 37L8 1315; 01 xe máy điện anh Sơn chị Bình đã thống nhất thỏa thuận được và đồng ý không đưa vào để phân chia trong vụ

án nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với tài sản là 02 con trâu, trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh Sơn đã bán với giá 53.000.000đ, chị Bình cũng thống nhất số tiền bán trâu như trên và thống nhất việc anh Sơn dùng vào việc trả nợ cho ông Chu Xuân Thắng 7.000.000đ, ông Nguyễn Xuân Dục 6.000.000đ và mua xe cho con 7.850.000 đồng, hiện số tiền bán trâu còn lại hai bên thống nhất là 32.150.000 đồng. Do đó, cần buộc anh Sơn giao số tiền bán trâu cho chị Bình là 16.075.000 đồng.

Đối với tài sản là 01 bộ dong bằng gỗ và 01 bộ bàn ghế bằng gỗ, anh Sơn chị Bình có nguyện vọng được chia cho cả hai người sử dụng. Do đó, cần chia cho anh Sơn được nhận 01 bộ dong trị giá 20.000.000 đồng và chị Bình được nhận 01 bộ bàn ghế bằng gỗ trị giá 20.000.000 đồng.

Đối với các tài sản là nhà ở, công trình vệ sinh, nhà chăn nuôi, mái tôn, sân, cổng, tường bao do anh Sơn chị Bình xây dựng, anh Sơn đề nghị được chia tài sản chung bằng hiện vật, vì anh không có tiền trả tiền chênh lệch. Ông Dục bà Lộc có ý kiến tháo dỡ các tài sản trên để trả lại đất cho ông bà. Do toàn bộ tài sản này đều nằm trên đất của ông Dục bà Lộc, việc xây dựng các tài sản trên ông Dục bà Lộc có biết và không có ý kiến gì. Vì vậy cần giao các tài sản: Nhà vệ tầng đa 75 m² (nhà lớn); nhà vệ tầng đa diện tích 48 m² (nhà ngang); nhà vệ sinh; nhà chăn nuôi; mái tôn phần sân diện tích 50 m²; mái tôn phần khu vực vệ sinh diện tích 21,32 m²; tường bao xây đá và xây sò do anh Sơn chị Bình xây thêm; sân bê tông và ngõ bê tông; bể cạn; cổng sắt, cho ông Dục bà Lộc được quyền sử dụng và ông Dục bà Lộc có trách nhiệm trả tiền giá trị tài sản cho anh Sơn chị Bình để đảm bảo quyền lợi cho các bên và bảo đảm được giá trị tài sản. Số tiền ông Dục bà Lộc phải giao lại cho anh Sơn chị Bình là 364.890.000 đồng, trong đó anh Sơn được nhận 182.445.000 đồng và chị Bình được nhận 182.445.000 đồng.

[3.3] Đối với yêu cầu tiền công sức tôn tạo bảo quản đất: Tại phiên tòa anh Sơn và chị Bình từ chối nhận tiền công tôn tạo, bảo quản đất nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Như vậy, tài sản anh Sơn được nhận là 01 bộ dong bằng gỗ trị giá 20.000.000 đồng, số tiền phân chia tài sản chung của vợ chồng (bao gồm cả tiền bán trâu) là 198.520.000 đồng. Tài sản chị Bình được nhận là 01 bộ bàn ghế bằng gỗ trị giá 20.000.000 đồng, số tiền phân chia tài sản chung của vợ chồng (bao gồm cả tiền bán trâu) là 198.520.000 đồng.

[3.4] Ông Dục và bà Lộc cho rằng có cho anh Sơn chị Bình số tiền 20.000.000 đồng khi làm nhà và số nguyên vật liệu của nhà cũ của ông bà để anh Sơn chị Bình xây nhà mới, nhưng ông Dục bà Lộc có ý kiến cho con và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét

[3.5] Về tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản bị đơn tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng trên của bị đơn.

[4] Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân Dục và bà Lê Thị Lộc là người cao tuổi và là người có công với cách mạng, có đơn xin miễn tiền án phí nên không phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 51, khoản 1 điều 56, các điều 33, 58, 59, 63, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 39; điều 147; khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Xuân Sơn được ly hôn với chị Chu Thị Bình.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 03/6/2012 cho anh Sơn được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Bình vì anh Sơn không yêu cầu.

Chị Bình có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Chu Thị Bình.

3.1. Buộc anh Nguyễn Xuân Sơn và chị Chu Thị Bình trả lại cho ông Nguyễn Xuân Dục và bà Lê Thị Lộc diện tích đất 985,3m², thuộc thửa số 26 tờ bản đồ số 33, địa chỉ xóm 15 (nay là xóm 11), xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Xuân Dục.

3.2. Giao cho ông Nguyễn Xuân Dục và bà Lê Thị Lộc được quyền sử dụng, sở hữu đối với các tài sản: Nhà vệ tầng đa 75 m²(nhà lớn); nhà vệ tầng đa diện tích 48 m² (nhà ngan); nhà vệ sinh; nhà chăn nuôi; mái tôn phần sân diện tích 50 m²; mái tôn phần khu vực vệ sinh diện tích 21,32 m² ; tường bao xây đá và xây sò (do anh Sơn chị Bình xây thêm); sân bê tông và ngõ bê tông; bể cạn; cổng sắt, cửa anh Sơn chị Bình xây dựng trên đất của ông Nguyễn Xuân Dục và bà Lê Thị Lộc tại diện tích đất 985,3², thuộc thửa số 26 tờ bản đồ số 33, địa chỉ xóm 15 (nay là xóm 11), xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Tổng giá trị tài sản là 364.890.000đ (Ba trăm sáu mươi tư triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng).

3.3. Chia đôi giá trị tài sản chung của anh Sơn và chị Bình xây dựng trên đất của ông Dục, bà Lộc cho anh Sơn ½, chị Bình ½ trong tổng số tiền 364.890.000 đồng và buộc ông Dục, bà Lộc trả cho anh Sơn, chị Bình theo kỹ phân cụ thể như sau:

Buộc ông Nguyễn Xuân Dục và bà Lê Thị Lộc có trách nhiệm trả giá trị tài sản cho anh Nguyễn Xuân Sơn số tiền 182.445.000đ (Một trăm tám mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) và trả cho chị Chu Thị Bình số tiền 182.445.000000đ (Một trăm tám mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

3.4. Buộc anh Nguyễn Xuân Sơn giao lại số tiền bán trâu cho chị Chu Thị Bình còn lại là 16.075.000đ (Mười sáu triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

3.5. Giao cho anh Nguyễn Xuân Sơn được quyền sử dụng 01 bộ dong bằng gỗ trị giá 20.000.000 đồng. Giao cho chị Chu Thị Bình được quyền sử dụng 01 bộ bàn ghế bằng gỗ trị giá 20.000.000 đồng.

4. Về án phí:

4.1. Ông Nguyễn Xuân Dục và bà Lê Thị Lộc là người cao tuổi và là người có công với cách mạng nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Anh Nguyễn Xuân Sơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí chia tài sản chung là 10.926.000 (Mười triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh Sơn đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003797 ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Anh Sơn còn phải nộp số tiền án phí là 10.926.000 (Mười triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

4.3. Chị Chu Thị Bình phải nộp tiền án chia tài sản là 10.926.000 (Mười triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) chị Bình đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004457 ngày 13 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Hoàn trả lại cho chị Bình số tiền tạm ứng án phí là 1.574.000 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi tư nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004457 ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

[5] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bên đương sự. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKS ND huyện Q.Lưu;
- THADS Quỳnh Lưu;
- Các đương sự;
- UBND xã Quỳnh Lâm,
- Lưu VP, HS.

Phan Thị Đóa